|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH**CỤC THỐNG KÊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2025* |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Về tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2025[[1]](#footnote-1)**

**BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

Trong sáu tháng đầu năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán, đặc biệt là chính sách của Hoa Kỳ và phản ứng của các nước; gia tăng bất ổn về địa chính trị và xung đột quân sự lan rộng ở nhiều quốc gia; căng thẳng thuế quan giữa Hoa Kỳ và các nước làm gián đoạn chuỗi cung ứng, nguy cơ chiến tranh thương mại đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; thách thức đối với đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng... ngày càng gia tăng. Lạm phát vẫn ở mức cao so với mục tiêu của các Ngân hàng Trung ương, điều kiện thị trường tài chính thắt chặt hơn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng suy giảm.

Nhiều tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 so với dự báo đưa ra trước đó. Ngân hàng Thế giới (WB)[[2]](#footnote-2), Liên hợp quốc (UN)[[3]](#footnote-3) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 đạt lần lượt là 2,3% và 2,4%, cùng điều chỉnh giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 01/2025; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)[[4]](#footnote-4) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 2,9%, điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 3/2025. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)[[5]](#footnote-5) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới đạt 2,8%, điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2025. Riêng tổ chức Fitch Rating (FR)[[6]](#footnote-6) dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 2,2%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 4/2025.

Trong khu vực, WB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2025 của Phi-li-pin đạt 5,3%, thấp hơn 0,4 điểm phần trăm so với năm trước; In-đô-nê-xi-a đạt 4,7%, thấp hơn 0,3 điểm phần trăm; Thái Lan đạt 1,8%, thấp hơn 0,7 điểm phần trăm; riêng Việt Nam đạt 5,8%, thấp hơn 1,3 điểm phần trăm. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2025 của Phi-li-pin đạt 5,5%, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với năm 2024; In-đô-nê-xi-a đạt 4,7%, thấp hơn 0,3 điểm phần trăm; Thái Lan đạt 1,8%, thấp hơn 0,7 điểm phần trăm; Ma-lai-xi-a đạt 4,1%, thấp hơn 1,0 điểm phần trăm; Việt Nam đạt 5,4%, thấp hơn 1,7 điểm phần trăm. OECD dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2025 của Việt Nam đạt 6,2%, thấp hơn 0,9 điểm phần trăm so với năm 2024; Phi-li-pin đạt 5,6%, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm; Thái Lan đạt 2,0%, thấp hơn 0,5 điểm phần trăm.

Trong nước, với quyết tâm cao nhất để huy động và khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, trong một thời gian ngắn, cả hệ thống chính trị đã tập trung hoàn thành khối lượng công việc rất lớn để triển khai thực hiện cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật liên quan, quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; triển khai các Nghị quyết lớn của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân,... Cùng với việc theo dõi chặt chẽ những biến động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, các bộ, ngành, địa phương nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt mục tiêu đề ra. Kinh tế - xã hội quý II và sáu tháng đầu năm 2025 của nước ta đạt được kết quả rất tích cực, tiệm cận mục tiêu đề ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực còn nhiều bất ổn. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý II và sáu tháng đầu năm 2025 như sau:

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

***1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)***

*Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025* tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 7,96% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025[[7]](#footnote-7). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89%, đóng góp 5,19% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,97%, đóng góp 43,63%; khu vực dịch vụ tăng 8,46%, đóng góp 51,18%.

*GDP sáu tháng đầu năm 2025* tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025[[8]](#footnote-8). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,14%, đóng góp 52,21%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 7,42% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,21%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 tăng 8,07% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,89% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2020-2025[[9]](#footnote-9), đóng góp 2,64 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,11%, đóng góp 2,55 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,20%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,30%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 4,25%, làm giảm 0,12 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 9,62%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2025[[10]](#footnote-10), đóng góp 0,63 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, hoạt động ngoại thương, vận tải, du lịch tăng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của khu vực và thế giới, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ sáu tháng đầu năm 2025 tăng 8,14% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2025[[11]](#footnote-11). Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,03% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,76 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,82%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,53%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,46%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm. Cùng với đó, một số ngành dịch vụ công cũng có mức tăng khá cao để thực hiện nhiều nhiệm vụ đột phá phục vụ cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy của đất nước: hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 14,58%; hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng tăng 13,09%.

Về cơ cấu nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,96%; khu vực dịch vụ chiếm 43,40%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,36% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2024 là 11,49%; 37,0%; 42,98%; 8,53%).

Về sử dụng GDP sáu tháng đầu năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với cùng kỳ năm 2024, đóng góp 84,20% vào tốc độ tăng chung của toàn nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 7,98%, đóng góp 40,18%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,17%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,01%.

***2. Sản xuất nông nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 duy trì tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Sản lượng lúa đông xuân tăng so với năm trước; cây ăn quả chủ lực và cây công nghiệp lâu năm tăng cả diện tích và sản lượng so với cùng kỳ. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, giá thịt gia súc, gia cầm ở mức thuận lợi cho người dân mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đàn vật nuôi*. *Diện tích rừng trồng mới tăng cao, hoạt động khai thác gỗ được đẩy mạnh do nhu cầu xuất khẩu gỗ tăng cao. Hoạt động sản xuất thủy sản đạt kết quả tích cực nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật mới và thời tiết thuận lợi cho khai thác.***

***a) Nông nghiệp***

Diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước năm 2025 đạt 2.970,2 nghìn ha, tăng 16,1 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước. Các địa phương phía Bắc đạt 1.050,9 nghìn ha, giảm 8,9 nghìn ha[[12]](#footnote-12); các địa phương phía Nam đạt 1.919,3 nghìn ha, tăng 25,1 nghìn ha. Năng suất lúa đông xuân cả nước ước đạt 68,5 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng lúa vụ đông xuân năm 2025 ước đạt 20,4 triệu tấn, tăng 17,3 nghìn tấn.

Tính đến ngày 20/6/2025, các địa phương trên cả nước đã xuống giống được 1.773,6 nghìn ha lúa hè thu, bằng 101,8% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.369,4 nghìn ha, bằng 102,0%.

Cũng đến thời điểm trên, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 596,7 nghìn ha ngô, bằng 100,7% cùng kỳ năm trước; 54,3 nghìn ha khoai lang, bằng 96,1%; 12,1 nghìn ha đậu tương, bằng 92,1%; 100,1 nghìn ha lạc, bằng 98,6%; 690,6 nghìn ha rau, đậu, bằng 102,0%.

Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm sáu tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước: chè búp đạt 546,6 nghìn tấn, tăng 2,9%; cao su đạt 427,3 nghìn tấn, tăng 1,9%; hồ tiêu đạt 258,0 nghìn tấn, tăng 6,4%; điều đạt 294,1 nghìn tấn, tăng 0,7%. Sản lượng một số cây ăn quả tăng so với cùng kỳ năm trước: xoài đạt 720,2 nghìn tấn, tăng 9,0%; cam đạt 539,5 nghìn tấn, tăng 2,4%; sầu riêng đạt 534,6 nghìn tấn, tăng 16,3%; mít đạt 462,2 nghìn tấn, tăng 17,3%; dứa đạt 443,0 nghìn tấn, tăng 16,3%; nhãn đạt 211,6 nghìn tấn, tăng 6,8%.

Chăn nuôi trâu, bò trong sáu tháng đầu năm 2025 tiếp tục có xu hướng giảm[[13]](#footnote-13). Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát[[14]](#footnote-14). Đàn lợn có xu hướng tăng mạnh trở lại do do chăn nuôi nông hộ chuyển mạnh sang bán công nghiệp, liên kết với doanh nghiệp, cùng với đó là giá thịt lợn hơi sáu tháng đầu năm ở mức thuận lợi cho người dân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất[[15]](#footnote-15).

 **Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Ước tínhquý IInăm 2025 | Cộng dồn6 thángnăm 2025  | Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%) |
|  | Quý II/2025 | 6 tháng/2025 |
| Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Nghìn tấn) |  |  |  |
| Thịt lợn | 1.333,8 | 2.698,9 | 6,4 | 5,9 |
| Thịt gia cầm |  650,2  | 1.277,3 | 4,7 | 4,9 |
| Thịt trâu |  29,4  |  62,3  | 0,9 | 0,3 |
| Thịt bò |  126,6  |  261,5  | 2,5 | 2,2 |
| Trứng (Triệu quả) | 5.258,2 | 10.504,9 | 4,6 | 4,3 |
| Sữa (Triệu lít) |  329,8  |  680,8  | 6,0 | 5,8 |

***b) Lâm nghiệp***

Diện tích rừng trồng mới tập trung sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 153,5 nghìn ha, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 48,6 triệu cây, tăng 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.181,7 nghìn m3, tăng 9,0%.

Diện tích rừng bị thiệt hại[[16]](#footnote-16) của cả nước sáu tháng đầu năm là 847,8 ha, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích rừng bị chặt, phá là 564,6 ha, tăng 17,3%; diện tích rừng bị cháy là 283,2 ha, giảm 58,6%.

***c) Thủy sản***

Tổng sản lượng thủy sản sáu tháng đầu năm ước đạt 4.550,9 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước (quý II/2025 ước đạt 2.555,5 nghìn tấn, tăng 3,3%), bao gồm: cá đạt 3.281,8 nghìn tấn, tăng 2,9%; tôm đạt 605,5 nghìn tấn, tăng 5,6%; thủy sản khác đạt 663,6 nghìn tấn, tăng 2,0%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng sáu tháng đầu năm ước đạt 2.579,2 nghìn tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: cá đạt 1.749,5 nghìn tấn, tăng 4,7%; tôm đạt 533,5 nghìn tấn, tăng 6,4%; thủy sản khác đạt 296,2 nghìn tấn, tăng 3,0%. Riêng sản lượng cá tra đạt 871,9 nghìn tấn, tăng 4,5%; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 366,9 nghìn tấn, tăng 7,3%; sản lượng tôm sú đạt 125,1 nghìn tấn, tăng 3,6%.

Sản lượng thủy sản khai thác sáu tháng đầu năm ước đạt 1.971,7 nghìn tấn, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước (quý II/2025 ước đạt 1.089,9 nghìn tấn, tăng 1,4%), bao gồm: cá đạt 1.532,3 nghìn tấn, tăng 0,9%; tôm đạt 72,0 nghìn tấn, tăng 0,6%; thủy sản khác đạt 367,4 nghìn tấn, tăng 1,2%.

***3. Sản xuất công nghiệp trong quý II/2025 tiếp tục tăng trưởng tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,3%. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2020 đến nay[[17]](#footnote-17).***

*Tính chung sáu tháng đầu năm 2025,* IIP ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,0%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,1% (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,9%), đóng góp 9,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,5% (cùng kỳ năm 2024 tăng 12,8%), đóng góp 0,4 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,3% (cùng kỳ năm 2024 tăng 6,4%), đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,0% (cùng kỳ năm 2024 giảm 6,0%), làm giảm 0,5 điểm phần trăm.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo sáu tháng đầu năm 2025 tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 10,8%). Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2025 tăng 6,7% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 12,0% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 9,6%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân sáu tháng đầu năm 2025 là 85,7% (bình quân cùng kỳ năm 2024 là 76,9%).

***4. Số lượng đăng ký doanh nghiệp trong sáu tháng đầu năm 2025 tăng cao nhờ “động lực” của Nghị quyết 68.*** ***Số doanh nghiệp gia nhập thị trường cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.***

***a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp[[18]](#footnote-18)***

Trong tháng Sáu, cả nước có hơn 24,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 176,8 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 137,2 nghìn lao động, tăng 61,4% về số doanh nghiệp, tăng 12,8% về số vốn đăng ký và tăng 39,8% về số lao động so với tháng 5/2025. So với cùng kỳ năm trước, tăng 60,5% về số doanh nghiệp, tăng 21,2% về số vốn đăng ký và tăng 49,9% về số lao động.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, cả nước có 91,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 820,9 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 591,1 nghìn lao động, tăng 11,8% về số doanh nghiệp, tăng 9,9% về số vốn đăng ký và tăng 13,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước có hơn 61,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 57,2% so với cùng kỳ năm 2024), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong sáu tháng đầu năm lên hơn 152,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2024. Bình quân một tháng có gần 25,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Trong sáu tháng đầu năm nay, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là hơn 80,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước; hơn 34,0 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 18,3%; hơn 12,3 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23,3%. Bình quân một tháng có gần 21,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

***b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp***

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2025 cho thấy 35,7% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý I/2025; 43,0% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 21,3% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn[[19]](#footnote-19). Dự kiến quý III/2025, có 37,3% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý II/2025; 43,5% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 19,2% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn.

***5. Hoạt động thương mại, vận tải, du lịch sáu tháng đầu năm nay duy trì tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước; chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng.***

Tháng Sáu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước tính tăng 8,3%; vận tải hành khách tăng 23,2% về vận chuyển và tăng 15,5% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 15,0% về vận chuyển và tăng 15,1% về luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; khách quốc tế đến Việt Nam đạt đạt 1,46 triệu lượt người[[20]](#footnote-20), giảm 4,3% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.416,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,9%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,2% (cùng kỳ năm 2024 tăng 6,0%).

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

**theo giá hiện hành**

***Nghìn tỷ đồng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Ước tính tháng 6 năm 2025 | Ước tính quý II năm 2025 | Ước tính6 tháng đầu năm năm2025 | Tốc độ tăng so vớicùng kỳ năm trước (%) |
| Tháng 6 năm 2025 | Quý IInăm 2025 | 6 tháng đầu năm năm 2025 |
| **Tổng số** |  **570,2**  | **1.713,8** |  **3.416,8**  |  **8,3**  |  **9,0**  |  **9,3**  |
| Bán lẻ hàng hóa |  433,2  | 1.303,5 |  2.613,1  |  6,7  |  7,1  |  7,9  |
| Dịch vụ lưu trú, ăn uống |  70,1  | 210,4 |  409,5  |  14,1  |  16,1  |  14,7  |
| Du lịch lữ hành |  8,1  | 24,7 |  46,0  |  23,9  |  29,0  |  23,2  |
| Dịch vụ khác |  58,8  | 175,2 |  348,2  |  11,5  |  13,5  |  12,3  |

Vận tải hành khách sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 2.857,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 151,9 tỷ lượt khách.km, tăng 13,5%; trong đó, quý II/2025 ước đạt 1.462,8 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 76,0 tỷ lượt khách.km, tăng 15,1%.

Vận tải hàng hóa sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 1.438,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 291,3 tỷ tấn.km, tăng 13,4%; trong đó, quý II/2025 ước đạt 730,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 150,6 tỷ tấn.km, tăng 16,2%.

Khách quốc tế đến Việt Nam sáu tháng đầu năm nay đạt gần 10,7 triệu lượt người, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không đạt 9,1 triệu lượt người, chiếm 85,2% lượng khách quốc tế đến và tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 1,4 triệu lượt người, chiếm 13,1% và tăng 10,9%; bằng đường biển đạt 181,4 nghìn lượt người, chiếm 1,7% và tăng 10,0%.

Số lượt người Việt Nam xuất cảnh[[21]](#footnote-21) sáu tháng đầu năm 2025 đạt 4.062,8 nghìn lượt người, tăng 53,9% so với cùng kỳ năm trước.

***6. Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay duy trì xu hướng giảm, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; thị trường bảo hiểm tăng trưởng ổn định, thị trường chứng khoán được cải thiện nhờ nền kinh tế dần hồi phục.***

Tính đến thời điểm 26/6/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 7,09% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 2,48%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 6,11% (cùng thời điểm năm trước tăng 1,82%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,30% (cùng thời điểm năm trước tăng 4,85%).

Tổng doanh thu phí bảo hiểm sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 114,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu phí lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 43,0 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8%; lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước đạt 71,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9%.

*Về thị trường chứng khoán*, hoạt động giao dịch trên thị trường trong sáu tháng đầu năm 2025 có những biến động, đặc biệt trong nửa đầu tháng 4/2025 khi Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng tối đa 46% đối với Việt Nam. Chỉ số VN-Index đến cuối quý II/2025 mới được cải thiện nhờ nền kinh tế dần hồi phục.

***7. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong sáu tháng đầu năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,6% cùng kỳ sáu tháng năm 2024, cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh trong nửa đầu năm 2025 tiếp tục xu hướng tích cực ở nhiều ngành, lĩnh vực. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức cao nhất sáu tháng đầu năm của các năm từ 2021 đến nay.***

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành sáu tháng đầu năm ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% (quý II/2025 theo giá hiện hành ước đạt 921,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 445,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 28,0% tổng vốn và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 858,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,0% và tăng 7,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 287,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,0% và tăng 10,6%.

*Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam[[22]](#footnote-22)* tính đến ngày 30/6/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 21,52 tỷ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: 1.988 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 9,29 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 9,6% về số vốn đăng ký; có 826 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 8,95 tỷ USD, gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm trước; Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.708 lượt với tổng giá trị góp vốn 3,28 tỷ USD, tăng 73,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 705 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,3 tỷ USD và 1.003 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,98 tỷ USD.

*Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam* sáutháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

***8. Thu ngân sách Nhà nước sáu tháng đầu năm 2025 tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước tăng 38,5%, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.***

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 6/2025 ước đạt 176,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước sáu tháng đầu năm 2025 đạt 1.332,3 nghìn tỷ đồng, bằng 67,7% dự toán năm và tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu nội địa đạt 1.158,4 nghìn tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán năm và tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 6/2025 ước đạt 282,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế sáu tháng đầu năm 2025 đạt 1.102,1 nghìn tỷ đồng, bằng 43,2% dự toán năm và tăng 38,5% so với cùng kỳ năm trước.

***9.*** ***Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ* *sáu tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng khá.***

***a) Xuất, nhập khẩu hàng hóa[[23]](#footnote-23)***

Trong tháng Sáu, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 76,15 tỷ USD, giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 432,03 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 17,9%***[[24]](#footnote-24).*** Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,63 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2025 đạt 39,49 tỷ USD, giảm 0,3% so với tháng trước. Quý II/2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 116,93 tỷ USD, tăng 18,0% so với cùng kỳ năm trước và tăng 13,6% so với quý I/2025. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 219,83 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2025 đạt 36,66 tỷ USD, giảm 6,1% so với tháng trước. Quý II/2025, kim ngạch nhập khẩu đạt 112,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 12,9% so với quý I/2025. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 212,2 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng Sáu xuất siêu 2,83 tỷ USD. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 12,15 tỷ USD).

***b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ***

Trong 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 14,79 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước (quý II/2025, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 7,15 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 6,3% so với quý trước), trong đó dịch vụ du lịch đạt 7,62 tỷ USD (chiếm 51,5% tổng kim ngạch), tăng 24,7%; dịch vụ vận tải đạt 4,35 tỷ USD (chiếm 29,4%), tăng 31,0%.

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 19,5 tỷ USD (trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 6,72 tỷ USD), tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 8,0 tỷ USD (chiếm 40,8% tổng kim ngạch), tăng 18,5%; dịch vụ du lịch đạt 7,3 tỷ USD (chiếm 37,4%), tăng 31,5%. Cán cân thương mại dịch vụ sáu tháng đầu năm 2025 nhập siêu 4,71 tỷ USD.

***10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2025 tăng 0,48% so với tháng trước chủ yếu do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở, đặc biệt là cát, đá, gạch tăng cao bất thường, xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng Sáu tăng 2,02% so với tháng 12/2024; tăng 3,57% so với cùng kỳ năm trước.***

***a) Chỉ số giá tiêu dùng***

Trong mức tăng 0,48% của CPI tháng 6/2025 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm. CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với quý II/2024. Bình quân sáu tháng đầu năm 2025 CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%.

*Lạm phát cơ bản*[[25]](#footnote-25) tháng 6/2025 tăng 0,31% so với tháng trước và tăng 3,46% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân sáu tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,27% của CPI bình quân chung[[26]](#footnote-26).

***b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ***

Chỉ số giá vàng tháng 6/2025 giảm 1,27% so với tháng 5/2025; tăng 48,01% so với cùng kỳ năm trước; tăng 35,54% so với tháng 12/2024; bình quân quý II/2025 tăng 43,62% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 6 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 37,40%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2025 tăng 0,32% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ phục vụ thanh toán nhập khẩu tăng; tăng 3,06% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,92% so với tháng 12/2024; bình quân quý II/2025 tăng 2,98%; bình quân sáu tháng đầu năm 2025 tăng 3,30%.

**II. TÌNH HÌNH XÃ HỘI**

***1. Lực lượng lao động và số người có việc làm trong quý II/2025 tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm so với quý trước[[27]](#footnote-27) và tăng so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm khá ổn định so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 53,0 triệu người, tăng 542,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động có việc làm là 51,9 triệu người, tăng 538,1 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,22% và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,72%.***

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý II/2025, ước tính là 53,1 triệu người, tăng 169,8 nghìn người so với quý trước và tăng 553,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 29,1%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 53,0 triệu người, tăng 542,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 29,0%, tăng 1,0 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước.

Lao động có việc làm quý quý II/2025 ước tính là 52,0 triệu người, tăng 138,6 nghìn người so với quý trước và tăng 544,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, lao động có việc làm là 51,9 triệu người, tăng 538,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động***[[28]](#footnote-28)*** quý II/2025 là 1,73%, tăng 0,01 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,33 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,72%, giảm 0,33 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập bình quân của người lao động quý II/2025 là 8,2 triệu đồng/tháng, giảm 58 nghìn đồng so với quý I/2025 và tăng 800 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, thu nhập bình quân của người lao động là 8,3 triệu đồng/tháng, tăng 10,1%, tương ứng tăng 760 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý II/2025 là 2,24%, tăng 0,04 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,05 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động sáu tháng đầu năm 2025 là 2,22%, giảm 0,05 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

***2. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội***

Đời sống của hộ dân cư trong sáu tháng đầu năm 2025 được cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập tăng lên và không thay đổi trong quý II/2025, so với cùng kỳ năm 2024 là 96,6% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với kỳ báo cáo quý trước và tăng 1,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

Tính đến ngày 25/6/2025[[29]](#footnote-29), lãnh đạo trung ương và địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 với số tiền là 16,8 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ chính sách xã hội là 3,2 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là hơn 20,6 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là 507,7 tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 27,1 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.

Trong sáu tháng đầu năm nay, Chính phủ đã hỗ trợ cho người dân hơn 10,3 nghìn tấn gạo, trong đó: hỗ trợ hơn 6 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ cho 402,6 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ gần 4,3 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2025 cho 284,5 nghìn nhân khẩu.

Kết quả triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025” đã hỗ trợ được 262.843 căn nhà, trong đó: khánh thành 224.854 căn nhà và khởi công, xây dựng dở dang 37.989 căn nhà.

Tính đến tháng 6/2025[[30]](#footnote-30), cả nước có 6.055/7.669 xã (79,0%) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 2.567 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 743 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân cả nước đạt 17,5 tiêu chí/xã (tăng 0,5 tiêu chí so với cuối năm 2021); có 326 đơn vị cấp huyện (50,5%) thuộc 60 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, đã có 46 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 20,2%); có 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, (trong đó 19 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và 100% đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới), có 10 tỉnh[[31]](#footnote-31) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

***3. Giáo dục và đào tạo***

Tính đến 20/6/2025, cả nước có 15.137 trường mầm non, 25.758 trường phổ thông (gồm: 11.996 trường tiểu học; 8.455 trường trung học cơ sở; 2.379 trường trung học phổ thông và 2.928 trường phổ thông có nhiều cấp học). Số giáo viên mầm non là 372,1 nghìn người, số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 817,6 nghìn người, bao gồm: 381,4 nghìn giáo viên tiểu học; 286,7 nghìn giáo viên trung học cơ sở và 149,5 nghìn giáo viên trung học phổ thông. Trong năm học 2024-2025, cả nước có 4,76 triệu trẻ em đi học mầm non; 18,6 triệu học sinh phổ thông (gồm: 8,75 triệu học sinh tiểu học; 6,7 triệu học sinh trung học cơ sở và 3,1 triệu học sinh trung học phổ thông).

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2025 được tổ chức từ ngày 25-27/6/2025 tại 2.494 điểm thi trên cả nước, với tổng số 49.849 phòng thi và 1.165.289 thí sinh đăng ký dự thi, tăng gần 100 nghìn thí sinh so với năm 2024.

***4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm[[32]](#footnote-32)***

Theo báo cáo của Bộ Y tế, trong tháng (18/5-17/6/2025), cả nước có 10.002 người mắc bệnh tay chân miệng; 6.737 người sốt phát ban nghi sởi; 6.591 người mắc bệnh sốt xuất huyết; 55 người mắc bệnh viêm não vi rút; 08 người tử vong do bệnh dại; 06 người mắc viêm màng não do não mô cầu. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, cả nước có 110,1 nghìn người sốt phát ban nghi sởi (11 ca tử vong); 32,6 nghìn người mắc sốt xuất huyết (05 ca tử vong); 28,1 nghìn người mắc bệnh tay chân miệng; 166 người mắc bệnh viêm não vi rút (01 ca tử vong); 41 người tử vong do bệnh dại; 27 người mắc viêm màng não do não mô cầu và 01 trường hợp cúm A.

Về tình hình dịch Covid-19, từ 18/12/2024-17/6/2025 cả nước ghi nhận 10.493 trường hợp mắc, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận 03 trường hợp người lớn tử vong sau mắc Covid-19 do có nhiều bệnh nền. Hiện nay, không ghi nhận các ổ dịch tập trung, số người mắc đang có xu hướng giảm.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 17/6/2025 là gần 250 nghìn người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 116,5 nghìn người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Sáu xảy ra 09 vụ làm 59 người bị ngộ độc. Tính chung sáu tháng đầu năm nay, cả nước xảy ra 35 vụ ngộ độc thực phẩm làm 406 người bị ngộ độc (10 người tử vong).

***5. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa luôn được quan tâm; thể thao phong trào được duy trì, thể thao thành tích cao có những thành tích đáng ghi nhận.***

Trong quý II/2025 đã diễn ra chuỗi các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025); kỷ niệm 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925-21/6/2025). Bên cạnh đó, một số các hoạt động văn hóa khác cũng được tổ chức rộng khắp trên cả nước[[33]](#footnote-33).

Về thể thao thành tích cao, một số hoạt động thể thao diễn ra trong quý II/2025 như: Đội tuyển Canoe Việt Nam đạt 01 huy chương vàng (HCV), 04 huy chương bạc (HCB) và 01 huy chương đồng (HCĐ), xếp thứ 3 toàn đoàn tại Giải vô địch Canoe châu Á năm 2025 diễn ra từ ngày 08-10/5 tại Trung Quốc; Việt Nam dẫn đầu tại giải Muay vô địch châu Á 2025 diễn ra từ ngày 20-25/6 với tổng số 46 huy chương các loại (14 HCV, 16 HCB, 16 HCĐ) ...

***6. Số vụ tai nạn giao thông*[[34]](#footnote-34) *trong tháng Sáu giảm 4,0% so với tháng trước, số người chết giảm 4,5%, số người bị thương giảm 5,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm nay giảm cả về số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương so với cùng kỳ năm trước, cụ thể là: giảm 27,1% số vụ tai nạn, giảm 8,5% số người chết và giảm 34,9% số người bị thương.***

Trong tháng Sáu (từ 26/5-25/6/2025), trên địa bàn cả nước xảy ra 1.410 vụ tai nạn giao thông, làm 812 người chết và 937 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 25,2%; số người chết giảm 12,1%; số người bị thương giảm 29,0%.

Tính chung sáu tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 8.999 vụ tai nạn giao thông, làm 5.024 người chết và 6.087 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 27,1%; số người chết giảm 8,5% và số người bị thương giảm 34,9%. Bình quân 1 ngày trong sáu tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 49 vụ tai nạn giao thông, làm 28 người chết và 33 người bị thương.

***7. Thiên tai, ô nhiễm môi trường và cháy, nổ ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống của người dân ở một số địa phương.***

*Thiệt hại do thiên tai*[[35]](#footnote-35): trong 6 tháng đầu năm nay, thiên tai làm 74 người chết và mất tích, 51 người bị thương; 57,2 nghìn ha lúa và 11,7 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 5,5 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong sáu tháng đầu năm nay ước tính 2.003,8 tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2024. Riêng trong tháng Sáu thiệt hại do thiên tai làm 34 người chết và mất tích, 13 người bị thương; 48,4 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; gần 2,3 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 1.556,1 tỷ đồng, gấp 4,5 lần cùng kỳ năm trước.

*Bảo vệ môi trường*[[36]](#footnote-36): trong 6 tháng đầu năm nay, các cơ quan chức năng đã phát hiện 8.273 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 7.416 vụ với tổng số tiền phạt là 115,5 tỷ đồng, giảm 26,4% so với cùng kỳ năm trước.

*Cháy nổ*[[37]](#footnote-37): trong tháng (từ 15/5-14/6/2025), cả nước xảy ra 215 vụ cháy, nổ, làm 04 người chết và 22 người bị thương, thiệt hại ước tính 22,8 tỷ đồng, giảm 3,1% so với tháng trước và gấp 2,1 lần cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.723 vụ cháy, nổ, làm 48 người chết và 75 người bị thương, thiệt hại ước tính gần 252,0 tỷ đồng, tăng 96,9% so với cùng kỳ năm trước./.

 **CỤC THỐNG KÊ**

1. Thông cáo báo chí và Infographics về tình hình kinh tế - xã hội quý II/2025 được đăng tải trên trang Web của Cục Thống kê (<https://www.nso.gov.vn)>. [↑](#footnote-ref-1)
2. WB (tháng 6/2025), “Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2025”, https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects, truy cập ngày 26/6/2025. [↑](#footnote-ref-2)
3. UN (Tháng 6/2025), “Tình hình và triển vọng kinh tế thế 2025 – Cập nhật giữa năm”, https://www.un.org/development/desa/dpad/publication/world-economic-situation-and-prospects-as-of-mid-2025/, truy cập ngày 26/6/2025 [↑](#footnote-ref-3)
4. OECD (Tháng 6/2025), “, Báo cáo kinh tế “Giải quyết bất ổn, phục hồi tăng trưởng”, https://www.oecd.org/en/topics/sub-issues/economic-outlook.html, truy cập ngày 26/6/2025 [↑](#footnote-ref-4)
5. IMF (Tháng 4/2025), “Triển vọng kinh tế thế giới cập nhật - Triển vọng kinh tế thế giới: Một giai đoạn quan trọng trong sự thay đổi chính sách”, https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2025/04/22/world-economic-outlook-april-2025, truy cập ngày 26/6/2025. [↑](#footnote-ref-5)
6. FR (Tháng 6/2025), “Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2025”, <https://www.fitchratings.com/economics/global-economic-outlook-excerpt>, truy cập ngày 03/7/2025. [↑](#footnote-ref-6)
7. Tốc độ tăng GDP quý II so với cùng kỳ năm trước các năm 2020-2025 lần lượt là: 0,34%; 6,55%; 8,56%;
4,34%; 7,25%; 7,96%. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tốc độ tăng GDP sáu tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2011-2025 lần lượt là: 6,10%; 5,25%; 5,03%; 5,86%; 6,68%; 6,13%; 5,93%; 7,43%; 7,12%; 1,74%; 5,71%; 7,01%; 3,91%; 6,64%; 7,52%. [↑](#footnote-ref-8)
9. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp sáu tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2020-2025 lần lượt là: 2,26%; 7,44%; 8,89%; 0,1%; 7,74%; 8,07%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành xây dựng sáu tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2025 lần lượt là: 0,07%; 2,54%; 5,10%; 6,16%; 7,87%; 9,41%; 8,52%; 8,71%; 7,79%; 4,84%; 4,27%; 4,35%; 5,18%; 7,80%; 9,62%. [↑](#footnote-ref-10)
11. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ sáu tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2025 lần lượt là:7,30%; 6,58%; 6,39%; 7,15%; 6,83%; 7,19%; 6,75%; 7,75%; 7,44%; 1,18%; 5,06%; 7,34%; 6,97%; 6,83%; 8,14%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Nguyên nhân do một phần diện tích chuyển sang đất phi nông nghiệp để xây dựng, mở rộng, phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, xây dựng hạ tầng giao thông, công ích và chuyển đổi sang trồng cây khác hoặc nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Do chăn nuôi trâu, bò lấy thịt có hiệu quả kinh tế không cao, diện tích chăn thả thu hẹp. [↑](#footnote-ref-13)
14. Tính đến ngày 28/6/2025, cả nước không còn dịch lở mồm long móng; dịch cúm gia cầm còn ở Hải Phòng; dịch

 tai xanh còn ở Bạc Liêu; dịch viêm da nổi cục còn ở Sơn La; dịch tả lợn châu Phi còn ở 18 địa phương chưa qua 21 ngày. [↑](#footnote-ref-14)
15. Trong sáu tháng đầu năm 2025, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 2.698,9 nghìn tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-15)
16. Số liệu Bộ Nông nghiệp và Môi trường tính đến 15/6/2025. [↑](#footnote-ref-16)
17. Chỉ số sản xuất công nghiệp sáu tháng đầu các năm 2020-2025 so với cùng kỳ năm trước lần lượt tăng là: 2,8%; 9,0%; 8,4%; -1,4%; 8,0%; 9,2%. [↑](#footnote-ref-17)
18. Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể, Bộ Tài chính, nhận ngày 01/7/2025. Thực hiện Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ (có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024), thời kỳ số liệu về đăng ký doanh nghiệp trong tháng được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo. Riêng đối với các chỉ tiêu thời điểm (doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể), thời kỳ số liệu các tháng trước thời điểm 01/8/2024 được tính từ ngày 21 của tháng trước tháng báo cáo đến ngày 20 của tháng báo cáo. [↑](#footnote-ref-18)
19. Chỉ số tương ứng của quý I/2025: 71,2% doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD tốt hơn và giữ ổn định (24,1% tốt lên và 47,1% giữ ổn định); 28,8% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn. [↑](#footnote-ref-19)
20. Kỳ báo cáo từ ngày 26/5/2025 - 25/6/2025. [↑](#footnote-ref-20)
21. Là công dân Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam. [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính, nhận ngày 30/6/2025. [↑](#footnote-ref-22)
23. Số liệu sơ bộ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2025 do Cục Hải quan cung cấp ngày 02/7/2025. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024 đạt 372,04 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 192,1 tỷ USD, tăng 15,7%; nhập khẩu đạt 179,94 tỷ USD, tăng 18,0%. [↑](#footnote-ref-24)
25. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục. [↑](#footnote-ref-25)
26. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. [↑](#footnote-ref-26)
27. Thu nhập của lao động quý II thường giảm so với quý I do các khoản thu nhập phụ trội bổ sung từ tiền làm thêm cuối năm và tiền thưởng dịp Tết Nguyên đán thường được chi trả chủ yếu trong quý I. [↑](#footnote-ref-27)
28. Người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động gồm những người có việc làm mong muốn làm thêm giờ; sẵn sàng làm thêm giờ; thực tế làm dưới 35 giờ/tuần. [↑](#footnote-ref-28)
29. Theo báo cáo từ địa phương. [↑](#footnote-ref-29)
30. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. [↑](#footnote-ref-30)
31. Gồm: Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Ninh Bình, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Trà Vinh, Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-31)
32. Theo báo cáo của Bộ Y tế. [↑](#footnote-ref-32)
33. Đại lễ Vesak 2025 trong tháng 5/2025 với nhiều sự kiện trọng đại; Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng từ 31/5-12/7 với 09 đội dự thi; hướng đến Ngày Gia đình Việt Nam 28/6, chuỗi sự kiện "Sắc màu Di sản" với chủ đề “Hương sắc Cố đô” diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 27-29/6/2025; chương trình nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925-21/6/2025) và Lễ trao Giải Báo chí Quốc gia lần thứ XIX năm 2024 với chủ đề: “Thép trong bút, lửa trong tim” đã diễn ra tại Hà Nội; chương trình nghệ thuật “Sắc màu Sơn La” đã diễn ra ngày 22/6 tại Đà Nẵng; khai mạc Tuần văn hóa, du lịch Gốm và Làng nghề truyền thống Bắc Ninh năm 2025 vào tối ngày 18/6 với chủ đề “Tinh hoa Gốm Việt” diễn ra trong 5 ngày (18-22/6) tại Bắc Ninh; sự kiện “Những ngày Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Quảng Nam 2025” được tổ chức từ ngày 06-29/6. [↑](#footnote-ref-33)
34. Theo báo cáo nhanh từ Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (Bộ Xây dựng) ngày 29/6/2025. [↑](#footnote-ref-34)
35. Tổng hợp Báo cáo từ Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kỳ báo cáo từ ngày 26/5-25/6/2025. [↑](#footnote-ref-35)
36. Theo báo cáo từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được các
Chi cục Thống kê tổng hợp. [↑](#footnote-ref-36)
37. Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/6/2025. [↑](#footnote-ref-37)